TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Thành
2. Bà Hồ Thị Đoan Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm 1990;

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số 245, Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh Thanh L trình bày: anh và chị T cưới nhau vào năm 2017, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2018 tại UBND xac L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 06/2020 anh phát hiện chị T có tình cảm với người khác làm vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ 06/2020 đến nay. Do vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Vỹ A, sinh ngày 10/02/2020 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh yêu cầu để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu An, anh cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật vì hiện tại thu nhập mỗi tháng của anh chỉ gần 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

- *Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Bùi Thị T trình bày*: về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân đúng như anh L trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cãi vả vì anh L không tin tưởng chị, hay ghen tuông làm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng chị không muốn ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Vỹ A, sinh ngày 10/02/2020 đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết để vợ chồng ly hôn thì chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung, nhưng chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng vì chi phí nuôi con rất nhiều.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng không có nợ chung.

- Tại phiên tòa anh Huỳnh Thanh L trình bày: anh vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị T vì trong thời gian Tòa án giải quyết anh và chị T vẫn không hàn gắn được. Hiện tại thu nhập mỗi tháng của anh không đến 5.000.000 đồng nên anh chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Trước đây, anh cũng có đồng ý để chị T chuyển nhượng đất để có tiền lo cho con, nếu chị T không lo được cho con thì giao con lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Bùi Thị T, Tòa án đã tống đạt thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T .

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Huỳnh Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị T là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: anh Huỳnh Thanh L và chị Bùi Thị T cưới nhau vào năm 2017, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2018 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo anh L và chị T trình bày là do vợ chồng khi chung sống đã không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vả, không tôn trọng nhau trong cách cư xử dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh L yêu cầu ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn nhưng không thuyết phục được anh L đoàn tụ và cũng không đưa ra được phương pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, anh L và chị T đều xác định cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn

không còn hạnh phúc, Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng không kết quả. Nay anh L vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn với chị T, chị T không đến tham dự phiên tòa cho thấy cũng không còn thiện chí hàn gắn với anh L. Từ đó cho thấy anh L và chị T đã phát sinh mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: anh L, chị T có 01 con chung tên Huỳnh Vỹ A, sinh ngày 10/02/2020 đang sống với chị T. Anh L và chị T đều yêu cầu để chị T nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng anh L trình bày thu nhập của anh L mỗi tháng không đến 5.000.000 đồng nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T, anh L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào qui định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; do chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh mức thu nhập của anh L nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị T. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này.

[6] Do các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: anh L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh L về việc ly hôn đối với chị Bùi Thị T.

Về hôn nhân: anh Huỳnh Thanh L được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về nuôi con chung: chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Vỹ A, sinh ngày 10/02/2020. Anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 21/3/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền tới lui thăm con, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005509 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An; anh L phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang